

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 636/2024/HC-PT

Ngày: 28/11/2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 446/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2024/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12425/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Vũ Bá Q và bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Tổ C, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Thị Bích P, Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; bà P có mặt, bà T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn D – Phó chủ tịch; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư Đỗ Tuấn N – Chi nhánh Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H: Ông Trần Văn C – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tùng H – Phó chủ tịch; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là ông Vũ Bá Q và bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Gia đình tôi sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ GPMB 01 diện tích 10.032 m² thuộc diện GPMB thực hiện dự án: Tuyến đường giao thông từ Mỏ H ra khai trường mỏ N tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nguồn gốc sử dụng thửa đất nêu trên là do bà Nguyễn Thị H1 khai phá, khai hoang trồng cây lâu năm (nhãn, mít, keo, bạch đàn và một số cây ăn quả khác) từ năm 1975 đến tháng 02/2004 chuyển nhượng cho gia đình tôi sử dụng từ đó đến nay.

Ngày 07/8/2015, UBND thành phố H có Quyết định số 1930/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân phường H, thuộc diện GPMB thực hiện dự án: Tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ N tại phường H, thành phố H. Theo đó, diện tích đất thu hồi trên của gia đình tôi không được bồi thường, hỗ trợ.

Gia đình tôi không đồng ý với phương án bồi thường nêu trên nên đã nhiều lần kiến nghị, khiếu nại tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 23/10/2017, Phòng Kinh tế thành phố H có Công văn số 223/KT về việc kiểm tra, xác minh thông tin thửa đất của hộ gia đình ông Vũ Bá Q, theo đó ghi nhận: “Sau khi lồng ghép thửa đất mà gia đình ông Q sử dụng với ranh giới đất mà UBND tỉnh giao, do có sự nhầm lẫn giữa Bản đồ quy hoạch phân loại 3 loại rừng với bản đồ mà UBND tỉnh Q giao đất cho Lâm trường Hồng Gai (BQL rừng đặc dụng C1) nên tại Văn bản số 137/CV-BQL ngày 12/12/2014 BQL rừng đặc dụng C1 đã xác nhận phần diện tích 10.032 m² thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01/GPMB nằm trong ranh giới mà UBND tỉnh Q giao đất cho Lâm trường Hồng Gai (BQL rừng đặc dụng C1) tại Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 28/12/2000 là không chính xác. Phòng Kinh tế có ý kiến đề Trung tâm phát triển quỹ đất làm cơ sở để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định”.

Ngày 04/3/2019, gia đình tôi gửi đơn đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H xây dựng lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 15/5/2019, chúng tôi đã làm việc với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H

và được giao Phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ Núi Béo được phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 và Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND thành phố H. Phương án được phê duyệt tại 02 quyết định này có nội dung như sau:

- Chính sách bồi thường: Xác định tổng diện tích đất bồi thường là 8.411 m², trong đó: 7.919,34 m² thuộc đất lâm nghiệp thu hồi vĩnh viễn (khu đo tỉ lệ 1/5000) bồi thường với giá 5.200 đồng/m², giá trị bồi thường là 41.180.568 đồng; 491,66 m² thuộc đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thu hồi vĩnh viễn (khu đo tỉ lệ 1/5000) bồi thường với giá 59.000 đồng/m², giá trị bồi thường là 29.007.940 đồng. Tổng trị giá bồi thường đối với 8.411 m² là 70.188.508 đồng.

- Chính sách hỗ trợ: Xác định hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (360kg x 12.000 đồng/kg) đối với 02 (hai) khẩu, giá trị là 8.640.000 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (5.200 đồng x 120% x 2 lần) đối với 7.919,34 m²; giá trị là 98.833.363 đồng. Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (59.000 đồng x 120% x 2 lần) đối với 491,66 m²; giá trị là 69.619.056 đồng. Tổng giá trị hỗ trợ trong phương án là 177.092.419,20 đồng.

Không đồng ý với phương án nêu trên, ngày 10/6/2019, chúng tôi gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố H. Ngày 06/9/2019, chúng tôi nhận được Quyết định số 6843/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại có nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Bá Q.

Không đồng ý với Quyết định số 6843/QĐ-UBND ngày 24/9/2019, chúng tôi gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Q. Ngày 22/11/2022, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3425/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q lần 2 về nội dung đồng ý với Quyết định số 6843/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q, trú tại tổ C, khu D, phường H, thành phố H (lần đầu) và không chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Bá Q.

Quan điểm của người khởi kiện:

Thứ nhất: UBND thành phố H áp dụng sai quy định của pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình chúng tôi.

UBND thành phố H căn cứ vào Văn bản số 7741/TNMT-ĐKĐĐ ngày 21/12/2018 về việc xác định loại đất nông nghiệp để bồi thường cho các hộ dân thuộc diện GPMB dự án Khu biệt thự đồi thủy sản phường B, làm căn cứ để xác định loại đất cho hộ gia đình ông Vũ Bá Q nhưng Văn bản số 7741/TNMT-ĐKĐĐ không phải là văn bản quy phạm pháp luật, không được áp dụng cho các địa phương khác ngoài phường B.

Trong trường hợp của hộ gia đình chúng tôi phải được xem xét áp dụng căn cứ điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP:

“1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau: “Điều 3. Xác định loại đất

3. Đối với thửa đất sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau (không phải là đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất) thì việc xác định loại đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: b) Trường hợp không xác định được ranh giới sử dụng giữa các mục đích thì mục đích sử dụng đất chính được xác định theo loại đất có mức giá cao nhất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành.”

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố H đã áp dụng sai quy định của pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp của hộ gia đình tôi.

Thứ hai, diện tích thu hồi 7.919,34 m² thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 01/GPMB của gia đình chúng tôi phải được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo giá đất trồng cây lâu năm.

Khoản 2 Điều 13 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Q quy định về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 84 Luật Đất đai; khoản 2 và 3 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

“2. Đối với các loại đất nông nghiệp còn lại: Hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q1”.

Như đã phân tích ở trên, diện tích thu hồi 7.919,34 m² thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 01/GPMB của gia đình chúng tôi phải được xác định là đất trồng cây lâu năm. Do đó, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải được tính theo giá đất trồng cây lâu năm.

Thứ ba, trường hợp dự án tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ Núi B sử dụng không hiệu quả diện tích đất của gia đình tôi, đề nghị trao trả lại phần diện tích đất đã thu hồi.

Đối với phần diện tích 7.919,34 m² của gia đình tôi thực hiện dự án tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ Núi Béo, thực tế có một diện tích nhỏ được sử dụng để xây dựng đường giao thông trên cao, còn một phần lớn diện tích chưa sử dụng, vẫn giữ nguyên hiện trạng khi thu hồi là trồng bạch đàn và một số cây ăn quả khác.

Tại buổi đối thoại giải quyết khiếu nại được UBND tỉnh Q giải quyết, đại diện UBND phường H có trình bày: Phần diện tích đất chưa sử dụng, vẫn giữ nguyên là trồng bạch đàn và một số cây ăn quả là phần diện tích nằm trong quy hoạch cây xanh của dự án tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ Núi Béo. Và do hiện trạng đang trồng cây xanh, chưa có phương án xử lý nên vẫn được xem là nằm trong dự án tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai

trường mỏ Núi Béo. Tuy nhiên, theo chúng tôi thì việc sử dụng đất như vậy không hiệu quả và lãng phí nguồn tài nguyên đất. Xét thấy Dự án tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ Núi Béo sử dụng không hết phần diện tích đất đã thu hồi của chúng tôi, đề nghị trao trả lại cho chúng tôi để chúng tôi được tiếp tục sử dụng.

Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

- Yêu cầu được bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 01/GPMB bị thu hồi của gia đình chúng tôi là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất rừng sản xuất.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm.

- Trường hợp sử dụng đất không hiệu quả, đề nghị trả lại diện tích đã thu hồi cho gia đình chúng tôi được tiếp tục sử dụng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Q trình bày:*

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất:

Ngày 31/10/2014, UBND phường H, thành phố H có Bản chứng nhận nhà, đất đối với hộ ông Vũ Bá Q: Thửa đất thu hồi thuộc thửa đất số 155 tờ bản đồ GPMB 01 có diện tích 10.032 m² (trong đó diện tích thu hồi 8.411 m², diện tích còn lại sau thu hồi 1.621 m²). Thửa đất thu hồi không nằm trong bản đồ địa chính năm 2000 phường H; Nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng: Đất có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị H1 và chồng là ông Nguyễn Huy S khai hoang từ năm 1975 để trồng cây lâu năm (nhãn, mít, keo, bạch đàn và một số cây ăn quả khác), đến ngày 20/02/2004 bà H1 chuyển nhượng cho ông Vũ Bá Q sử dụng từ đó cho đến nay.

Ngày 18/12/2019, Thanh tra tỉnh có Văn bản báo cáo số 992/TTr-TTGQKNTC III về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q; tiếp theo ngày 22/01/2020, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 415/UBND-TD4 trong đó có nội dung: *“Giấy chuyển nhượng giữa bà H1 và ông Q đối với thửa đất thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ GPMB 01 quy hoạch dự án Tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ N tại phường H, thành phố H chưa đúng quy định của pháp luật vì thời điểm xác lập Giấy chuyển nhượng thì bà H1 và các con chưa phân chia di sản thừa kế (chỉ bà H1 đứng tên bên chuyển nhượng trên Giấy chuyển nhượng) theo quy định; và có ý kiến: Đồng ý với nội dung, đề xuất của Thanh tra tỉnh, dừng xác minh giải quyết vụ việc để UBND thành phố H giải quyết lại cho đảm bảo quy định pháp luật; Giao UBND thành phố H trên cơ sở Văn bản số 992/TTr-TTGQKNTC III ngày 18/12/2019 của Thanh tra tỉnh và*

biên bản làm việc ngày 19/12/2019 giữa Thanh tra tỉnh với UBND thành phố H,... Hướng dẫn ông Vũ Bá Q lập lại Giấy chuyển nhượng (do chồng bà H1 mất năm 1986 mà gia đình chưa phân chia di sản thừa kế theo quy định), làm cơ sở để lập phương án bồi thường theo đúng quy định”.

Quá trình thực hiện, ngày 15/6/2020 UBND phường H có biên bản làm việc với ông Vũ Bá Q, hộ bà Nguyễn Thị H1, trong đó xác nhận: *Đến ngày 14/7/2020, ông Vũ Bá Q cung cấp Giấy chuyển nhượng nhà ngày 14/4/2014 và giấy nhận tiền ngày 14/4/2014 (thửa đất số 155, tờ bản đồ GPMB 01): gia đình bà H1 và các con xác nhận Giấy chuyển nhượng nhà ngày 14/4/2014 là đúng và cam kết không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất kể từ ngày 14/4/2020).*

Tiếp theo, ngày 16 tháng 8 năm 2022 cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh G xác minh giải quyết khiếu nại lần 2 đã làm việc với UBND phường H, tại buổi làm việc UBND phường H báo cáo: *Phần diện tích theo Giấy chuyển nhượng nhà viết tay ngày 14/4/2014 là phần diện tích chuyển nhượng có nhà ở của bà Nguyễn Thị H1 thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích là 443,2 m², trong đó đã được cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích 259,6 m² (nằm ngoài ranh giới thu hồi đất của dự án); không phải phần diện tích theo giấy chuyển nhượng viết tay năm 2004 giữa bà H1 và ông Q (phần diện tích dự án thu hồi, đang khiếu nại); cũng theo Biên bản ngày 15/6/2020 UBND phường H làm việc với hộ ông Vũ Bá Q, bà Nguyễn Thị H1, kết quả: UBND phường chỉ xác nhận việc 02 bên gia đình có ý kiến là “Gia đình bà H1 và các con xác nhận Giấy chuyển nhượng nhà ngày 14/4/2014 là đúng và cam kết không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất kể từ ngày 14/4/2020”, không xác nhận nội dung ghi trong giấy tờ chuyển nhượng, giấy nhận tiền, không xác nhận vị trí khu vực đất nhận chuyển nhượng và các nội dung khác có liên quan. Như vậy, năm 2004 bà Nguyễn Thị H1 chuyển nhượng đất nông nghiệp cho ông Vũ Bá Q khi chưa có sự thỏa thuận việc phân chia di sản là không đúng quy định của pháp luật, do đó cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh G xác minh giải quyết khiếu nại lần 2 đã có báo cáo và được UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại nêu trên.*

Tại buổi làm việc ngày 03/8/2022, ông Vũ Bá Q cung cấp cho Thanh tra tỉnh Bản án số 61/2020/HC-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với ông Vũ Như B1 (là con trai ông Vũ Bá Q) và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Vũ Như B1, theo đó: Phương án bồi thường, hỗ trợ đã thể hiện: UBND thành phố H sau khi thu hồi đất của hộ ông Vũ Bá Q diện tích 8.411 m²/10.032 m², thửa đất số 155, tờ bản đồ GPMB số 01 dự án tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ Núi Béo thì diện tích còn lại 1.621 m². Năm 2014, ông Vũ Bá Q đã cho anh Vũ Như B1 quản lý, sử dụng, phần diện tích này. Năm 2017, do vị trí khu đất nằm gần khu vực có nguy cơ sạt lở, vị trí nguy hiểm, không để ở, đe dọa tính mạng con người và tài sản của các hộ gia

đình, cá nhân, nhưng chưa thuộc phạm vi thu hồi đất theo thông báo thu hồi đất của UBND thành phố H; giữa chủ đầu tư và người có đất thực hiện theo chủ trương thỏa thuận và được UBND thành phố H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ngoài chính sách tại Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 và Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 cho anh Vũ Như B1.

Ông Vũ Bá Q đề nghị xem xét chấp nhận chủ sử dụng đất là của ông Vũ Bá Q, không phải thực hiện việc phân chia di sản và tiếp tục giải quyết khiếu nại cho gia đình vì việc thực hiện phân chia di sản tại thời điểm này là rất khó khăn, do đến nay thời hiệu phân chia di sản theo Bộ luật Dân sự đã hết (*thời hiệu 30 năm*) và các hàng thừa kế của gia đình bà H1 kể từ khi chuyển nhượng cho ông Q đến nay không có tranh chấp; qua làm việc với UBND phường H cũng đã xác định thửa đất số 155 tờ bản đồ GPMB số 01 do ông Vũ Bá Q quản lý, sử dụng không có tranh chấp; và kết quả làm việc giữa UBND phường H ngày 22/3/2022 với bà Nguyễn Thị H1 có ý kiến: Các con bà hiện ở nhiều nơi, nhiều địa phương khác nhau, việc tập trung tại 01 thời điểm là khó khăn và bà xác định trước đây UBND phường H đã hướng dẫn bà thủ tục ký chứng thực chữ ký các hàng thừa kế liên quan của chồng bà là ông Nguyễn Huy S (chết năm 1986) để đứng thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại UBND phường H, khi đó các con đẻ của bà đều có mặt để ký vào văn bản đồng ý chuyển nhượng nhà đất cho ông, bà Vũ Bá Q - Nguyễn Thị L, do đó bà đề nghị cơ quan chức năng xem xét giải quyết theo hồ sơ cho hộ ông Vũ Bá Q.

Qua xem xét các tài liệu do người khiếu nại cung cấp bổ sung, làm việc với người khiếu nại và với UBND thành phố H nhận thấy: Năm 2004 khi bà Nguyễn Thị H1 tự chuyển nhượng đất nông nghiệp cho ông Vũ Bá Q khi chưa có sự thỏa thuận việc phân chia di sản là không đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết khiếu nại vụ việc, công dân đã cung cấp Bản án số 61/2020/HC-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, trong đó có Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của UBND thành phố H duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ngoài chính sách cho anh Vũ Như B1 (bồi thường phần diện tích còn lại của thửa đất sau thu hồi) là quyết định có liên quan đến Quyết định bị khiếu nại, tuy bản án không nhận định về nguồn gốc, chủ sử dụng đất nhưng có nhận định là hợp pháp về thẩm quyền, trình tự thủ tục, thời hạn và thời hiệu ban hành; nhưng được UBND phường H đã xác nhận thửa đất có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp cũng như bà Nguyễn Thị H1 đề nghị được giải quyết cho hộ ông Vũ Bá Q nêu trên.

Căn cứ pháp luật để lập luận và phân tích cho thấy: Theo Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời điểm có thời hiệu phân chia di sản là 30 năm thời điểm bà H1 chuyển nhượng đất cho ông Q từ năm 2004 sau 18 năm ông S chồng bà H1 chết (ông S chết năm 1986) thì tại thời điểm chuyển nhượng thời hiệu phân chia di sản vẫn còn hiệu lực. Tuy nhiên, tại thời điểm năm 2019 ông Vũ Bá Q khiếu nại

thì chồng bà H1 chết đã 33 năm, do đó thời hiệu phân chia di sản đã hết (vì quá 03 năm theo quy định). Do đó cơ quan xác minh giải quyết khiếu nại lần 2 đã căn cứ cơ sở pháp luật phân tích nêu trên, nội dung xác nhận của UBND phường H; và ý kiến của bà H1, ông Q đều khẳng định và thống nhất thửa đất sử dụng ổn định, không tranh chấp và đề nghị giải quyết khiếu nại đối với chủ sử dụng đất là ông Vũ Bá Q, do đó cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q giao xác minh giải quyết khiếu nại lần 2 tiếp tục giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q theo quy định.

Công tác thu hồi đất; lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 22/5/2014, UBND thành phố H có Thông báo số 313/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường GPMB dự án: Tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ N tại phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 21/3/2019, UBND thành phố H có Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông, bà Vũ Bá Q - Nguyễn Thị L, bao gồm: Bồi thường 7.919,34 m² đất lâm nghiệp số tiền 41.180.568 đồng (5.200 đồng/m²); bồi thường 491,66 m² đất trồng cây lâu năm số tiền 29.007.940 đồng (59.000 đồng/m²).

Ngày 10/5/2019, UBND thành phố H có Quyết định số 2980/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông, bà Vũ Bá Q - Nguyễn Thị L, trong đó: Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất lâm nghiệp số tiền 98.833.363 đồng, đối với đất TCLN số tiền 69.619.056 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất số tiền 8.640.000 đồng. Tổng số tiền ông, bà Vũ Bá Q nhận được theo 03 phương án trên là 282.002.000 đồng, trong đó: Cây cối, hoa màu, kiến trúc: 34.721.000 đồng; bồi thường 8.411 m², gồm: Đất rừng sản xuất 7.919,34 m² x 5.200 đồng/m² = 41.180.568 đồng; đất trồng cây lâu năm 491,66 m² x 59.000 đồng/m² = 29.007.940 đồng; hỗ trợ: ổn định đời sống và sản xuất (360kg x 12.000 đồng/kg) x 02 khẩu = 8.640.000 đồng; chuyển đổi nghề và tạo việc làm (5.200 đồng x 120% x 2 lần) đối với 7.919,34 m² = 98.833.363 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (59.000 đồng x 120% x 2 lần) đối với 491,66 m² = 69.619.056 đồng.

Việc xác định loại đất nông nghiệp để bồi thường, hỗ trợ:

Theo Biên bản thống kê cây cối hoa màu ngày 19/9/2014 và phương án bồi thường, hỗ trợ số 1930/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 thể hiện cây trồng được bồi thường gồm: Cây lâm nghiệp: 1.935 cây bạch đàn; cây trồng lâu năm: 02 cây vải, 25 cây ổi, 02 cây hồng, 02 cây xoài, 07 cây nhãn; quá trình kiểm đếm, thống kê tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB thành phố H đã không xác định rõ diện tích đất trồng các cây ăn quả và diện tích đất trồng cây bạch đàn, do đó UBND thành phố H đã vận dụng tương tự hướng dẫn của Sở T1 tại Văn bản số 7741/TNMT-ĐKĐĐ ngày 21/12/2018 với nội dung: “1. Về việc xác định tỷ lệ

mật độ cây trồng để xác định diện tích từng loại đất (trồng cây ăn quả; trồng rừng): (1) Trường hợp diện tích đất sau khi quy mật độ cây vượt diện tích thửa đất: Trường hợp này cho phép phân bổ diện tích các loại đất theo tỷ lệ quy đổi mật độ cây trồng thực tế; Ví dụ: Diện tích thực tế thửa đất: 1.000 m²; Trong đó: Cây ăn quả sau khi quy mật độ chiếm: 700 m², Cây rừng sau khi quy mật độ chiếm: 600 m². Xác định tỷ lệ diện tích cây ăn quả, cây rừng như sau: Tỷ lệ diện tích cây ăn quả = $700 \text{ m}^2 / (700 \text{ m}^2 + 600 \text{ m}^2) = 54\%$; Tỷ lệ diện tích cây rừng = $600 \text{ m}^2 / (700 \text{ m}^2 + 600 \text{ m}^2) = 46\%$; Diện tích đất trồng cây ăn quả là: $1.000 \text{ m}^2 \times 54\% = 540 \text{ m}^2$; Diện tích đất trồng rừng là: $1.000 \text{ m}^2 \times 46\% = 460 \text{ m}^2$.

Căn cứ hướng dẫn trên, UBND thành phố H đã tính toán, xác định diện tích loại đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Q, cụ thể:

+ Diện tích đất rừng quy theo mật độ tiêu chuẩn: Bạch đàn mật độ tối đa 1650 cây/ha: $1.935 \text{ cây} \times 6,1 \text{ m}^2/\text{cây} = 11.803,5 \text{ m}^2$;

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm theo mật độ tiêu chuẩn là 732,8 m², gồm: Vải mật độ tối đa 400 cây/ha: $2 \text{ cây} \times 25 \text{ m}^2/\text{cây} = 50 \text{ m}^2$; Ổi mật độ tối đa 550 cây/ha: $25 \text{ cây} \times 18,18 \text{ m}^2/\text{cây} = 454,5 \text{ m}^2$; Hồng mật độ tối đa 600 cây/ha: $2 \text{ cây} \times 16,67 \text{ m}^2/\text{cây} = 33,3 \text{ m}^2$; Xoài mật độ tối đa 500 cây/ha: $01 \text{ cây} \times 20 \text{ m}^2/\text{cây} = 20 \text{ m}^2$; Nhãn Mật độ tối đa 400 cây/ha: $07 \text{ cây} \times 25 \text{ m}^2/\text{cây} = 175 \text{ m}^2$.

Suy ra: (1) Tỷ lệ diện tích đất trồng rừng là: $11.803,5 \text{ m}^2 / (11.803,5 \text{ m}^2 + 732,8 \text{ m}^2) \times 100\% = 94,16\%$; (2) Tỷ lệ diện tích đất trồng cây lâu năm là $732,8 \text{ m}^2 / (11.803,5 \text{ m}^2 + 732,8 \text{ m}^2) \times 100\% = 5,84\%$.

Do đó diện tích loại đất để bồi thường được xác định là: Diện tích đất rừng sản xuất là: $94,16\% \times 8.411 \text{ m}^2 = 7.919 \text{ m}^2$; Diện tích trồng cây lâu năm: $5,84\% \times 8.411 \text{ m}^2 = 491,66 \text{ m}^2$.

Kết quả giải quyết khiếu nại lần 2:

Nội dung khiếu nại 1: Yêu cầu được bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa đất 155, tờ bản đồ số 01/GPMB bị thu hồi của gia đình là đất trồng cây lâu năm, không phải đất rừng sản xuất:

Thửa đất 155, tờ bản đồ số 01/GPMB có nguồn gốc do gia đình bà Nguyễn Thị H1 khai phá sử dụng từ những năm 1975 vào mục đích trồng các loại cây như: Nhãn, vải, ổi, xoài, hồng, bạch đàn; đến năm 2004 chuyển nhượng cho ông Vũ Bá Q sử dụng vào mục đích trồng cây.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và số lượng cây kiểm đếm cho thấy: Phần lớn diện tích đất thu hồi là trồng cây lâm nghiệp (1.925 cây bạch đàn), chỉ có ít cây lâu năm (37 cây ăn quả, chiếm 1,88% số cây kiểm đếm). Như vậy, có thể thấy trên diện tích đất thu hồi của ông Vũ Bá Q, cây trồng vào mục đích chính ở đây là cây lâm nghiệp. Căn cứ quy định, thửa đất số 155, tờ bản đồ số GPMB 01 của hộ ông Vũ Bá Q khi bồi thường thì loại đất phải được xác định theo hiện trạng

sử dụng đất. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm đếm, đơn vị làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố H chỉ kiểm đếm cây mà không tách ranh giới giữa các loại cây để xác định diện tích theo từng mục đích sử dụng để xác định loại đất để bồi thường. Trường hợp như của hộ ông Vũ Bá Q trên địa bàn thành phố H cũng có một số trường hợp tương tự đã được UBND tỉnh chỉ đạo, Sở T1 đã có hướng dẫn thực hiện tại Văn bản số 7741/TNMT-ĐKĐĐ ngày 21/12/2018 về việc “Xác định loại đất nông nghiệp để bồi thường cho các hộ dân thuộc diện GPMB dự án khu biệt thự đồi thủy sản tại phường B”. Do đó, UBND thành phố H đã vận dụng để tính toán, xác định loại đất bồi thường 7.919,34 m² đất trồng rừng sản xuất là đảm bảo quy định, phù hợp với thực tế sử dụng đất của gia đình (thửa đất chủ yếu trồng cây lâm nghiệp) nên nội dung khiếu nại, yêu cầu được bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa đất 155, tờ bản đồ số 01/GPMB bị thu hồi của gia đình là đất trồng cây lâu năm, không phải đất rừng sản xuất là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Nội dung khiếu nại 2: Yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm:

Căn cứ hồ sơ vụ việc và quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cho thấy: Hộ ông Vũ Bá Q được bồi thường 7.919,34 m² là đất rừng sản xuất và được xác định là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp; do đó hộ ông Q được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất là đất rừng sản xuất. Ủy ban nhân dân thành phố H phê duyệt phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông Vũ Bá Q diện tích 7.919,34 m² theo giá đất rừng sản xuất trong bảng giá đất là đúng quy định tại thời điểm áp dụng. Vì vậy, ông Vũ Bá Q khiếu nại, yêu cầu được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm là không có cơ sở.

Như vậy, căn cứ về kết quả xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và căn cứ quy định pháp luật được viện dẫn nêu trên, cho thấy các nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Chủ tịch UBND và UBND thành phố H có quan điểm:

Về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng thửa đất:

Hộ ông, bà Vũ Bá Q - Nguyễn Thị L, trú tại tổ C khu D phường H đang quản lý, sử dụng thửa số 155/01/GPMB có diện tích 10.032,0 m² đất, diện tích thu hồi vĩnh viễn 8.411 m² đất thuộc khu đo tỉ lệ 1/5000, diện tích còn lại 1.621,0 m². Theo Bản chứng nhà đất ngày 31/10/2014 của UBND phường H về việc xác minh nguồn gốc, quá trình, mục đích sử dụng đất, cụ thể:

Đối với diện tích ngoài trích thửa địa chính gia đình đăng ký: Bà Nguyễn Thị H1 khai phá, khai hoang trồng cây lâu năm (nhãn, mít, keo, bạch đàn và một

số cây ăn quả khác...) từ năm 1975 đến tháng 2/2004 chuyển nhượng cho gia đình ông Vũ Bá Q (giấy chuyển nhượng đất vườn viết tay).

Việc không có tên đăng ký thửa đất BĐDC: Do khi đo BĐDC gia đình có đề nghị đo cả phần đất vườn nhưng đơn vị đo đạc giải thích không có kế hoạch đo đất vườn mà chỉ đo đất ở. (Toàn bộ nội dung xác định về nguồn gốc trên theo xác nhận tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư do Trưởng khu D phường H chủ trì lập ngày 16/10/2014)

Thực hiện nghĩa vụ thuế: Không.

Thời điểm xây dựng các công trình trong ranh giới GPMB: do gia đình bà Nguyễn Thị H1 xây dựng từ năm 1975 để phục vụ tưới tiêu và chống sạt lở cho khu vườn.

Quá trình sử dụng thửa đất: Từ năm 1975 đến tháng 2/2004 do hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1 sử dụng thửa đất để trồng cây đến tháng 2/2004 chuyển nhượng cho gia đình ông Vũ Bá Q, ông Q sử dụng từ đó đến nay.

Cây hoa màu: do hộ gia đình bà Nguyễn Thị H1 sử dụng thửa đất để trồng cây đến tháng 2/2004 chuyển nhượng cho gia đình ông Vũ Bá Q, ông Q sử dụng từ đó đến nay.

Tại Công văn số 137/CV-BQL ngày 12/12/2014 của Ban Q2 xác minh: Thửa đất số 155, bản đồ 01/GPMB có diện tích 10.032 m² của ông Vũ Bá Q nằm trong ranh giới đất lâm nghiệp của Ban Q2 quản lý.

Ngày 24/10/2017, phòng Kinh tế thành phố có Văn bản số 225/KT, trong đó có nội dung sau: *Sau khi lồng ghép giữa bản đồ của Lâm trường H2 được UBND tỉnh giao năm 2000 với các thửa đất 155,25A và 53 tờ bản đồ GPMB của hộ ông Vũ Bá Q đang sử dụng không nằm trong ranh giới mà UBND tỉnh giao đất cho lâm trường Hồng Gai năm 2000 (căn cứ vào bản đồ giấy và bản đồ số hóa được cán bộ BQL rừng số hóa lại bằng hình thức khoanh vẽ thủ công chứ không được đo đạc số hóa).*

Ngày 07/12/2017, UBND tỉnh Q có Văn bản số 9188/UBND - QLĐĐ2 về việc “Bồi thường về đất đối với phần diện tích nằm trùng vào ranh giới Ban Q2 quản lý”, trong đó có nội dung: *Cho phép UBND thành phố H bồi thường về đất cho các hộ dân sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 (trước ngày UBND tỉnh Q giao đất cho Lâm trường H2 năm 2000 nay là Ban Q2) theo nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hiện trạng đất đang sử dụng ổn định.*

Về phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư:

Phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Vũ Bá Q được UBND thành phố phê duyệt tại các Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 07/8/2015; số 1446/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; số 2980/QĐ-UBND ngày 10/5/2019, cụ thể:

Phần đất: Bồi thường đất lâm nghiệp thu hồi vĩnh viễn (khu đo tỷ lệ 1/5000): 7.919,34 m² x 5.200,0 đồng/m² x 100%; Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thu hồi vĩnh viễn (khu đo tỷ lệ 1/5000): 491,66 m² x 59.000 đồng/m² x 100%.

Công trình kiến trúc: Bồi thường 80% giá trị công trình.

Cây, hoa màu: Bồi thường theo mật độ tiêu chuẩn.

Chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: (360kg x 12.000 đồng/kg) x 2 khẩu x 100% (theo Điều 2 Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q); Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo Điều 13 Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q): Đối với phần đất được bồi thường đất lâm nghiệp: 7.919,34 m² x 5.200 đồng/m² x 120% x 2 lần. Đối với phần đất nông nghiệp trồng cây lâu năm được bồi thường: 491,66 m² x 59.000 đồng/m² x 120% x 2 lần.

Tái định cư: Gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

Sau khi nhận phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Vũ Bá Q có đơn khiếu nại. UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 6843/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 về việc “Giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q, trú tại tổ C khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Lần đầu)”, nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Bá Q.

Ông Vũ Bá Q tiếp tục khiếu nại lần 2 đối với Quyết định số 6843/QĐ-UBND gửi đến UBND tỉnh Q. Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 về việc “Giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q, trú tại tổ C khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Lần 2)”, nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Vũ Bá Q.

Về nội dung khởi kiện của của ông Vũ Bá Q:

Đối với nội dung yêu cầu được bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa 155/1/GPMB bị thu hồi của gia đình là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất rừng sản xuất:

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất và điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ N1 “Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính”, thì cây Bạch đàn nằm trong danh mục cây lâm nghiệp chính.

Căn cứ mật độ cây trồng được quy định tại Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành

kèm theo Quyết định số 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Q.

Tại Biên bản thống kê cây cối hoa màu ngày 19/9/2014 và phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND thành phố H trong đó đã xác định: Cây lâm nghiệp: 1.935 cây bạch đàn; Cây trồng lâu năm: 2 cây vải, 25 cây ổi, 2 cây hồng, 2 cây xoài, 7 cây nhãn.

Do khi kiểm đếm, thống kê không xác định rõ diện tích đất trồng cây ăn quả (cây trồng lâu năm) và diện tích đất trồng cây bạch đàn (cây lâm nghiệp), nên việc xác định diện tích loại đất dựa theo mật độ cây trồng trên đất.

Việc xác định diện tích từng loại đất có trồng lâu năm và cây lâm nghiệp đối với trường hợp không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Luật Đất đai của hộ ông Vũ Bá Q, UBND thành phố đã vận dụng tương tự theo hướng dẫn tại Văn bản số 7741/TNMT-ĐKĐĐ ngày 21/12/2018 của Sở T1 về việc “Xác định loại đất nông nghiệp để bồi thường cho các hộ dân thuộc diện GPMB dự án Khu biệt thự đồi thủy sản tại phường B”, có nội dung:

“1. Về việc xác định tỷ lệ mật độ cây trồng để xác định diện tích từng loại đất (trồng cây ăn quả; trồng rừng):

(1). Trường hợp diện tích đất sau khi quy mật độ vượt diện tích thửa đất:

Trường hợp này cho phép phân bổ diện tích các loại đất theo tỷ lệ quy đổi mật độ cây trồng thực tế:

Ví dụ: Diện tích thực tế thửa đất: 1.000 m²; trong đó: Cây ăn quả sau khi quy mật độ chiếm: 700 m², Cây rừng sau khi quy mật độ chiếm: 600 m². Xác định tỷ lệ diện tích cây ăn quả, cây rừng như sau:

Tỷ lệ diện tích cây ăn quả = $700 \text{ m}^2 / (700 \text{ m}^2 + 600 \text{ m}^2) = 54\%$.

Tỷ lệ diện tích cây rừng = $600 \text{ m}^2 / (700 \text{ m}^2 + 600 \text{ m}^2) = 46\%$.

Diện tích đất trồng cây ăn quả là: $1.000 \text{ m}^2 \times 54\% = 540 \text{ m}^2$.

Diện tích đất trồng rừng là: $1.000 \text{ m}^2 \times 46\% = 460 \text{ m}^2$.”

Từ các căn cứ trên, phần đất được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 là đúng quy định. Do vậy, nội dung ông Vũ Bá Q yêu cầu được bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa 155/1/GPMB bị thu hồi của gia đình là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất rừng sản xuất là không có cơ sở giải quyết.

Đối với nội dung yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm:

Tại Văn bản số 28/UBND ngày 04/02/2015 của UBND phường H, có nội dung: Hộ ông Vũ Bá Q: Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định tại thửa đất GPMB trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 quy định Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 13 quy định kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q, quy định: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì chính sách hỗ trợ được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 là đúng quy định. Do vậy, nội dung ông Vũ Bá Q yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm là không có cơ sở giải quyết.

Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố H đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của UBND phường H có quan điểm về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tương tự quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Q, Chủ tịch UBND thành phố H và UBND thành phố H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2024/HC-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Bá Q, bà Nguyễn Thị L về các nội dung: Hủy Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; Yêu cầu được bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 01/GPMB bị thu hồi của gia đình chúng tôi là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất rừng sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm và trường hợp sử dụng đất không hiệu quả, đề nghị trả lại diện tích đã thu hồi cho gia đình ông bà được tiếp tục sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2024, người khởi kiện là ông Vũ Bá Q có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên nội dung kháng cáo; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo người khởi kiện ông Vũ Bá Q, hủy Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 01/GPMB bị thu hồi của gia đình ông Vũ Bá Q theo hình thức là đất trồng cây lâu năm chứ không phải là đất rừng sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm và trong trường hợp

sử dụng đất không hiệu quả thì đề nghị trả lại diện tích đã thu hồi cho gia đình ông Vũ Bá Q được tiếp tục sử dụng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Bá Q và bà Nguyễn Thị L là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Bá Q không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Bá Q, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Bá Q có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tổ tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H; Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[1.3] Về thẩm quyền, đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/4/2023, ông Vũ Bá Q và bà Nguyễn Thị L khởi kiện Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và đảm bảo trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Về trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định số 3425/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Q ngày 22/11/2022 về việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị của ông Vũ Bá Q: sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Vũ Bá Q, UBND tỉnh Q đã thụ lý đơn khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại đảm bảo đúng quy định tại các Điều 36, 37, 38 Luật Khiếu nại 2011 và tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 21 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Căn cứ Bản chứng nhận nhà đất ngày 31/10/2014 của UBND phường H; Các tài liệu về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Thị H1 với hộ ông Vũ Bá Q và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện thửa đất số 155/01/GPMB có diện tích 10.032,0 m² đất, diện tích thu hồi vĩnh viễn 8.411 m² đất thuộc khu đo tỉ lệ 1/5000, diện tích còn lại 1.621,0 m² có nguồn gốc và quá trình sử dụng như sau:

Thửa đất do hộ bà Nguyễn Thị H1 và chồng là ông Nguyễn Huy S khai hoang từ năm 1975 để trồng cây lâu năm (nhãn, mít, keo, bạch đàn và một số cây ăn quả khác...) đến năm 1986 ông S chết. Tháng 02/2004, bà H1 chuyển nhượng cho gia đình ông Vũ Bá Q sử dụng từ đó đến khi thu hồi đất (giấy chuyển nhượng đất vườn viết tay đề ngày 20/4/2004, không có xác nhận của chính quyền địa phương), thửa đất khu đo tỉ lệ 1/5000, không nằm trong bản đồ địa chính năm 2000 phường H. Thời điểm xây dựng các công trình trong ranh giới GPMB: do gia đình bà Nguyễn Thị H1 xây dựng từ năm 1975 để phục vụ tưới tiêu và chống sạt lở cho khu vườn.

Tại Công văn số 137/CV-BQL ngày 12/12/2014 của Ban Q2 xác minh: Thửa đất số 155/1/GPMB có diện tích 10.032 m² của ông Q nằm trong ranh giới đất lâm nghiệp của BQL rừng đặc dụng cảnh quan môi trường C1 quản lý.

[2.2.2] Về phương án bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 07/8/2015, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1930/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân phường H thuộc diện GPMB dự án: Tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ N tại phường H, thành phố H, (hộ ông Vũ Bá Q số thứ tự 6 trong danh sách kèm theo); theo phương án được phê duyệt, hộ ông Vũ Bá Q bị thu hồi 8.411 m² trong tổng diện tích 10.032 m² đất đang sử dụng, tổng giá trị bồi thường là

34.721.132,73 đồng gồm bồi thường vật kiến trúc và cây hoa màu. Về đất: Không bồi thường, không hỗ trợ do thửa đất của hộ ông Q nằm trong ranh giới đất lâm nghiệp của BQL rừng đặc dụng C1 quản lý.

Ngày 24/10/2017, Phòng Kinh tế thành phố H có Văn bản số 225/KT, trong đó có nội dung sau: Sau khi lồng ghép giữa bản đồ của Lâm trường H2 được UBND tỉnh giao năm 2000 với các thửa đất 155,25A và 53 tờ bản đồ GPMB của hộ ông Vũ Bá Q đang sử dụng không nằm trong ranh giới mà UBND tỉnh giao đất cho lâm trường Hồng Gai năm 2000 (căn cứ vào bản đồ giấy và bản đồ số hóa được cán bộ BQL rừng số hóa lại bằng hình thức khoanh vẽ thủ công chứ không được đo đạc số hóa).

Ngày 07/12/2017, UBND tỉnh Q có Văn bản số 9188/UBND-QLĐĐ2 về việc “Bồi thường về đất đối với phần diện tích nằm trùng vào ranh giới Ban Q2 quản lý”, trong đó có nội dung: *Cho phép UBND thành phố H bồi thường về đất cho các hộ dân sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 (trước ngày UBND tỉnh Q giao đất cho Lâm trường H2 năm 2000 nay là Ban Q2) theo nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hiện trạng đất đang sử dụng ổn định.*

Ngày 21/3/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông, bà Vũ Bá Q - Nguyễn Thị L, bao gồm: Bồi thường 7.919,34 m² đất lâm nghiệp số tiền 41.180.568 đồng (5.200 đồng/m²); bồi thường 491,66 m² đất trồng cây lâu năm số tiền 29.007.940 đồng (59.000 đồng/m²) (*Lý do: Phòng Kinh tế thành phố có Văn bản số 225/KT ngày 24/10/2017 xác định, sau khi lồng ghép giữa bản đồ của lâm trường H2 được UBND tỉnh giao năm 2000 với các thửa đất 155, 25A và 53 tờ bản đồ GPMB của hộ ông Vũ Bá Q đang sử dụng không nằm trong ranh giới mà UBND tỉnh giao đất cho Lâm trường H2 năm 2000*).

Ngày 10/5/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2980/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông, bà Vũ Bá Q - Nguyễn Thị L, trong đó: Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất lâm nghiệp số tiền 98.833.363 đồng, đối với đất TCLN số tiền 69.619.056 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất số tiền 8.640.000 đồng.

Tổng số tiền ông, bà Vũ Bá Q nhận được theo 03 phương án trên là 282.002.000 đồng, trong đó: Cây cối, hoa màu, kiến trúc: 34.721.000 đồng; bồi thường 8.411 m², gồm: Đất rừng sản xuất 7.919,34 m² x 5.200 đồng/m² = 41.180.568 đồng; đất trồng cây lâu năm 491,66 m² x 59.000 đồng/m² = 29.007.940 đồng; Hỗ trợ: ổn định đời sống và sản xuất (360kg x 12.000 đồng/kg) x 02 khẩu = 8.640.000 đồng; chuyển đổi nghề và tạo việc làm (5.200 đồng x 120% x 2 lần) đối với 7.919,34 m² = 98.833.363 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (59.000 đồng x 120% x 2 lần) đối với 491,66 m² = 69.619.056 đồng.

[2.2.3] Xét yêu cầu Hủy Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về giải quyết khiếu nại của ông Vũ Bá Q (lần 2) và buộc bồi thường diện tích 7.919,34 m² thuộc thửa 155 tờ bản đồ số 01/GPMB bị thu hồi của hộ ông Q là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất rừng sản xuất, thấy rằng:

Căn cứ Thông tư số 44/2015/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2015 của Bộ N1 về ban hành danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính (sau này được thay thế tại Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ N1 quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính) thì cây Bạch đàn nằm trong danh mục cây lâm nghiệp chính;

Căn cứ Bộ đơn giá bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 4234/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Q quy định về mật độ cây trồng;

Căn cứ Biên bản thống kê cây cối hoa màu ngày 19/9/2014 và phương án bồi thường, hỗ trợ số 1930/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 thể hiện cây trồng được bồi thường gồm: Cây lâm nghiệp: 1.935 cây bạch đàn; cây trồng lâu năm: 02 cây vải, 25 cây ổi, 02 cây hồng, 02 cây xoài, 07 cây nhãn; quá trình kiểm đếm, thống kê tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB thành phố H đã không xác định rõ diện tích đất trồng các cây ăn quả và diện tích đất trồng cây bạch đàn, do đó UBND thành phố H đã vận dụng tương tự hướng dẫn của Sở T1 tại Văn bản số 7741/TNMT-ĐKĐĐ ngày 21/12/2018 về việc “Xác định loại đất nông nghiệp để bồi thường cho các hộ dân thuộc diện GPMB dự án khu biệt thự đồi thủy sản tại phường B”. Nội dung hướng dẫn như sau: “1. Về việc xác định tỷ lệ mật độ cây trồng để xác định diện tích từng loại đất (trồng cây ăn quả; trồng rừng): (1) Trường hợp diện tích đất sau khi quy mật độ cây vượt diện tích thửa đất: Trường hợp này cho phép phân bổ diện tích các loại đất theo tỷ lệ quy đổi mật độ cây trồng thực tế; Ví dụ: Diện tích thực tế thửa đất: 1.000 m²; Trong đó: Cây ăn quả sau khi quy mật độ chiếm: 700 m², Cây rừng sau khi quy mật độ chiếm: 600 m². Xác định tỷ lệ diện tích cây ăn quả, cây rừng như sau: Tỷ lệ diện tích cây ăn quả = $700 \text{ m}^2 / (700 \text{ m}^2 + 600 \text{ m}^2) = 54\%$; Tỷ lệ diện tích cây rừng = $600 \text{ m}^2 / (700 \text{ m}^2 + 600 \text{ m}^2) = 46\%$; Diện tích đất trồng cây ăn quả là: $1.000 \text{ m}^2 \times 54\% = 540 \text{ m}^2$; Diện tích đất trồng rừng là: $1.000 \text{ m}^2 \times 46\% = 460 \text{ m}^2$.”

Căn cứ các quy định và hướng dẫn trên, UBND thành phố H đã xác định diện tích loại đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Bá Q, như sau:

+ Diện tích đất rừng quy theo mật độ tiêu chuẩn: Bạch đàn mật độ tối đa 1.650 cây/ha: 1.935 cây x 6,1 m²/cây = 11.803,5 m²;

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm theo mật độ tiêu chuẩn là 732,8 m², gồm: Vải mật độ tối đa 400 cây/ha: 2 cây x 25 m²/cây = 50 m²; Ổi mật độ tối đa 550 cây/ha: 25 cây x 18,18 m²/cây = 454,5 m²; Hồng mật độ tối đa 600 cây/ha: 2

cây x 16,67 m²/cây = 33,3 m²; Xoài mật độ tối đa 500 cây/ha: 01 cây x 20 m²/cây = 20 m²; Nhãn mật độ tối đa 400 cây/ha: 07 cây x 25 m²/cây = 175 m².

Như vậy, (1) Tỷ lệ diện tích đất trồng rừng là: $11.803,5 \text{ m}^2 / (11.803,5 \text{ m}^2 + 732,8 \text{ m}^2) \times 100\% = 94,16\%$; (2) Tỷ lệ diện tích đất trồng cây lâu năm là $732,8 \text{ m}^2 / (11.803,5 \text{ m}^2 + 732,8 \text{ m}^2) \times 100\% = 5,84\%$.

Do đó diện tích loại đất để bồi thường được xác định là: *Diện tích đất rừng sản xuất là: $94,16\% \times 8.411 \text{ m}^2 = 7.919 \text{ m}^2$; Diện tích trồng cây lâu năm: $5,84\% \times 8.411 \text{ m}^2 = 491,66 \text{ m}^2$.*

Thấy rằng, UBND thành phố H đã xác định diện tích đất rừng sản xuất và diện tích đất trồng cây lâu năm như đã nêu trên là có căn cứ.

[2.2.4] Xét yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm diện tích thu hồi đất 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm, thấy:

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 thấy: Hộ ông Vũ Bá Q được bồi thường 7.919,34 m² là đất rừng sản xuất và 491,66 m² là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và được xác định là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp; do đó hộ ông Q được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất là đất rừng sản xuất tương ứng với diện tích đất rừng sản xuất bị thu hồi; Đối với diện tích 491,66 m² là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm đã được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo đúng quy định. Vì vậy, ông Vũ Bá Q khởi kiện yêu cầu được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 7.919,34 m² theo mức giá đất trồng cây lâu năm không có căn cứ.

[2.2.5] Xét yêu cầu trường hợp sử dụng đất không hiệu quả, đề nghị trả lại diện tích đã thu hồi cho gia đình ông Q được tiếp tục sử dụng, thấy:

Thửa đất 155, tờ bản đồ số 01/GPMB của hộ gia đình ông, bà Vũ Bá Q – Nguyễn Thị L bị thu hồi để thực hiện dự án: Tuyến đường giao thông từ mỏ H ra khai trường mỏ N tại phường H, thành phố H. Việc thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Bá Q để sử dụng vào mục đích công cộng, phát triển kinh tế thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003. Dự án đã được triển khai thực hiện; Quyết định số 1929/QĐ-UBND về thu hồi đất; Quyết định số 1930/QĐ-UBND; Quyết định số 1446/QĐ-UBND và Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông, bà Vũ Bá Q – Nguyễn Thị L không bị thu hồi, hủy bỏ. Do đó ông, bà Vũ Bá Q – Nguyễn Thị L yêu cầu nếu sử dụng đất không hiệu quả, đề nghị trả lại diện tích đã thu hồi cho gia đình được tiếp tục sử dụng là không có căn cứ.

Từ những lập luận và phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Bá Q và bà Nguyễn Thị L là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông Q không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho

quan điểm kháng cáo là có cơ sở. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo của ông Vũ Bá Q.

[3] Về án phí, ông Vũ Bá Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Bá Q; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2024/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí, ông Vũ Bá Q phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp tại Biên lai thu số 0005858 ngày 05/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh